

Số: 1791 /TCT - TTtr

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2015

V/v giới thiệu các nội dung mới của
Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày
20/4/2015 về ban hành quy trình
kiểm tra thuế.

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày 20/4/2015 Tổng cục Thuế ban hành Quyết định số 746/QĐ-TCT về việc ban hành kèm theo Quy trình kiểm tra thuế thay thế quy trình kiểm tra thuế ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29/5/2008 của Tổng cục Thuế. Tổng cục Thuế giới thiệu các nội dung mới của Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 về ban hành quy trình kiểm tra thuế như sau:

1. Phạm vi áp dụng bổ sung thêm cho 4 trường hợp kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế mới theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế như sau:

“- Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với trường hợp qua phân tích, đánh giá việc chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế xác định có dấu hiệu vi phạm pháp luật (còn gọi là kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm);

- Kiểm tra tại trụ sở NNT đối với các trường hợp kiểm tra trước hoàn thuế sau và kiểm tra sau hoàn thuế theo quy định (còn gọi là kiểm tra hoàn thuế);

- Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với các trường hợp được lựa chọn theo kế hoạch, chuyên đề do thủ trưởng cơ quan quản lý thuế cấp trên quyết định (còn gọi là kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề);

- Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với người nộp thuế chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, cổ phần hóa, đóng mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền (còn gọi là kiểm tra khác).”

Quyết định số 528/QĐ-TCT chỉ quy định cho hai trường hợp kiểm tra:

- Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế;

- Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo thông báo của cơ quan thuế; không khai bổ sung hồ sơ thuế hoặc giải trình, khai bổ sung hồ sơ thuế nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng; hoặc cơ quan thuế không đủ căn cứ để ấn định số thuế phải nộp (còn gọi là kiểm tra từ hồ sơ khai thuế);

2. Bổ sung một số yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin đối với công chức kiểm tra hồ sơ khai thuế đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý rủi ro trong công tác kiểm tra thuế:

“1. Áp dụng các phần mềm tin học để hỗ trợ kiểm tra các loại hồ sơ khai thuế được giao mà người nộp thuế gửi đến cơ quan Thuế. Trong trường hợp ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng công tác kiểm tra thuế thì cơ quan thuế bố trí công chức trực tiếp kiểm tra thuế theo quy định tại Điều 60 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

...

3. Nắm bắt kịp thời và triển khai áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin của ngành vào công tác kiểm tra thuế.”

Quyết định số 528/QĐ-TCT không quy định.

3. Bổ sung quy định cập nhật dữ liệu, thông tin vào các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin cho công tác kiểm tra đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế:

“- Bộ phận kiểm tra, công chức làm công tác kiểm tra và bộ phận có liên quan cập nhật kịp thời, đầy đủ các thông tin, dữ liệu của người nộp thuế vào ứng dụng hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR); ứng dụng lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế (TPR)... hệ thống dữ liệu của ngành.

- Bộ phận kiểm tra thuế và công chức kiểm tra thuế sử dụng dữ liệu kê khai thuế của người nộp thuế và những dữ liệu thông tin của người nộp thuế đã được cập nhật vào hệ thống dữ liệu của ngành để phục vụ cho việc kiểm tra các hồ sơ khai thuế người nộp thuế gửi đến cơ quan thuế.

- Thủ trưởng cơ quan phụ trách công tác kiểm tra có trách nhiệm thường xuyên nắm bắt và đôn đốc bộ phận kiểm tra, công chức làm công tác kiểm tra thực hiện nghiêm túc các công việc trên nhằm mục đích triển khai tốt công tác quản lý, kiểm tra thuế theo cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế.”

Quyết định số 528/QĐ-TCT ban hành kèm theo quy trình kiểm tra thuế chỉ quy định thu thập, khai thác thông tin để phục vụ cho công tác kiểm tra; còn quy định mới nêu trên phục vụ cho hiện đại hóa công tác kiểm tra, tiến tới áp dụng các phần mềm tin học vào công tác kiểm tra thuế.

4. Bổ sung nguyên tắc kiểm tra hồ sơ khai thuế đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và đáp ứng yêu cầu thực tiễn về phạm vi hồ sơ và các trường hợp phải kiểm tra hồ sơ khai thuế.

Quyết định số 528/QĐ-TCT không quy định.

5. Bổ sung việc lựa chọn danh sách người nộp thuế để kiểm tra hồ sơ khai thuế bằng ứng dụng phần mềm quản lý rủi ro TPR và qua thực tiễn quản lý có rủi ro cao về thuế đảm bảo phù hợp với quy định về quản lý rủi ro và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế:

“- Lựa chọn danh sách NNT để kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế tối thiểu là 20% số lượng doanh nghiệp hoạt động đang quản lý thuế như sau:

+ Từ 15% số lượng người nộp thuế trở lên lựa chọn bằng ứng dụng lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro (TPR);

+ Từ 5 % số lượng NNT trở lên lựa chọn qua thực tiễn quản lý thuế tại địa phương có rủi ro, có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế, khai sai số thuế phải nộp.”

6. Bổ sung quy định kiểm tra hồ sơ bằng phần mềm ứng dụng đảm bảo tin học hóa công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế nhằm đạt mục tiêu kiểm tra tất cả các hồ sơ khai thuế gửi đến Cơ quan thuế theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế:

Công chức kiểm tra thuế có trách nhiệm cập nhật các phần mềm ứng dụng được ngành thuế xây dựng để áp dụng vào việc kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế thay vì việc kiểm tra bằng phương pháp thủ công.

Quyết định số 528/QĐ-TCT chỉ quy định việc kiểm tra thuế bằng phương pháp thủ công.

7. Bổ thông báo yêu cầu người nộp thuế giải trình thông tin, tài liệu lần 2 cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

8. Bổ sung nguyên tắc kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đảm bảo phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế về giao nhiệm vụ kiểm tra hàng năm, về tần suất kiểm tra, về hình thức kiểm tra, về nội dung kiểm tra và về xử lý chồng chéo trong hoạt động kiểm tra.

Quyết định số 528/QĐ-TCT không quy định.

9. Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục, các bước lập kế hoạch kiểm tra và lựa chọn chuyên đề kiểm tra phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành:

9.1. *Quy định cụ thể việc lập kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra phải trên cơ sở áp dụng phần mềm quản lý rủi ro để lựa chọn tối thiểu 60% số người nộp thuế được giao nhiệm vụ kiểm tra hàng năm:*

Hàng năm số lượng người nộp thuế được giao nhiệm vụ kiểm tra (khoảng 15%-20% số lượng người nộp thuế hoạt động đang quản lý thuế) cho 5 trường hợp kiểm tra (kiểm tra từ hồ sơ khai thuế; kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm; kiểm tra hoàn thuế; kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề và kiểm tra khác), trong đó kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề chỉ là 1 trong 5 trường hợp kiểm tra. Theo đó, trường hợp kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề được lựa chọn đạt 60% số lượng người nộp thuế được giao nhiệm vụ kiểm tra hàng năm thì 4 trường hợp còn lại: kiểm tra từ hồ sơ khai thuế; kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm; kiểm tra hoàn thuế; và kiểm tra khác được lựa chọn khoảng 40% số lượng người nộp thuế được giao nhiệm vụ kiểm tra hàng năm.

9.2. Kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra được lựa chọn theo hai hình thức: *Hình thức lựa chọn bằng phần mềm ứng dụng TPR đạt từ 80% - 85% số lượng người nộp thuế được giao kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra hàng năm; Hình thức lựa chọn bằng phương pháp thủ công đạt 15% – 20% số lượng người nộp thuế được giao kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra hàng năm có rủi ro cao qua thực tiễn quản lý thuế tại địa phương.*

Quy trình đã thiết kế theo phương án kết hợp lựa chọn giữa hai hình thức là do: số lượng NNT được lựa chọn để đưa vào kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra hàng năm là rất lớn (với quy định tối thiểu 60% số NNT được giao nhiệm vụ kiểm tra hàng năm thì năm 2015 tương ứng là $37.668 \text{ DN} = 62.780 \text{ DN} \times 60\%$) nên không thể lựa chọn bằng phương pháp thủ công mà phải có ứng dụng hỗ trợ để lựa chọn. Hiện nay ngành thuế đã xây dựng được ứng dụng lập kế hoạch kiểm tra hàng năm theo rủi ro. Với 22 tiêu chí rủi ro được lập trình tự động giúp cơ quan thuế các cấp sắp xếp danh sách DN có rủi ro từ cao đến thấp để lựa chọn đưa vào kế hoạch kiểm tra hàng năm. Việc lựa chọn tùy thuộc vào mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan thuế các cấp.

Tuy nhiên 22 tiêu chí rủi ro được lập trình là những tiêu chí chung mang tính đại diện, phổ biến, thống nhất trong toàn ngành, mà chưa đáp ứng được tính chất đặc thù rủi ro về thuế của từng địa phương (VD: các tỉnh dọc biên giới thì có rủi ro đối với gian lận hoàn thuế xuất khẩu qua biên giới; các tỉnh tây nguyên thì rủi ro gian lận

thuế đối với thu mua nông sản xuất khẩu; các tỉnh tây bắc thì rủi ro gian lận thuế đối với khai thác quặng, mỏ xuất khẩu; các trung tâm kinh tế thì rủi ro gian lận thuế đối với thương mại điện tử, chuyển nhượng thương hiệu,...) nên một số lĩnh vực, hoặc ngành nghề, hoặc doanh nghiệp có rủi ro cao nhưng không được lựa chọn qua phần mềm tự động nêu trên.

Theo đó, phải kết hợp việc lựa chọn bằng phần mềm tự động với lựa chọn bằng thực tiễn quản lý thuế có rủi ro cao, có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế; đồng thời ưu tiên về mặt số lượng cho việc lựa chọn bằng phần mềm tự động nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch, công bằng trong việc lập kế hoạch kiểm tra.

Quyết định số 528/QĐ-TCT không quy định lập kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

10. Bổ sung quy định cụ thể về thủ tục đề trình ban hành quyết định kiểm tra cho từng trường hợp kiểm tra theo quy định (5 trường hợp kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế).

11. Bổ sung các trường hợp về bãi bỏ quyết định kiểm tra, hoặc hoãn kiểm tra, hoặc xử lý vi phạm do người nộp thuế từ chối nhận quyết định kiểm tra phù hợp với Thông tư 156/2013/TT-BTC và Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính.

12. Bổ sung các trường hợp về tạm dừng kiểm tra, trường hợp có vướng mắc về cơ chế chính sách qua kiểm tra phải xin ý kiến của cấp trên; hoặc trường hợp đã công bố biên bản kiểm tra nhưng người nộp thuế không ký biên bản, trường hợp không công bố được biên bản kiểm tra.

13. Quy định cụ thể đối với trường hợp NNT từ chối nhận quyết định kiểm tra.

14. Bổ sung quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thời gian đối với các trường hợp chuyển hồ sơ sang thanh tra, chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra.

15. Bổ sung quy định giám sát kết quả sau kiểm tra

“Bộ phận kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với bộ phận Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo dõi và đôn đốc việc thực hiện nộp các khoản thuế truy thu, truy hoàn, tiền phạt theo kết quả kiểm tra vào NSNN đúng quy định trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp vào NSNN các khoản kiến nghị qua kiểm tra ghi trên quyết định xử lý vi phạm về thuế”.

Quy định giám sát kết quả sau kiểm tra phù hợp với quy định đơn đốc, theo dõi kết quả sau kiểm tra theo quy định của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành; **Quyết định số 528/QĐ-TCT** không quy định.

16. Bổ sung quy định nhập dữ liệu vào hệ thống TTR

“Lãnh đạo bộ phận kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo Bộ phận kiểm tra nhập toàn bộ dữ liệu về công tác kiểm tra bao gồm: kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế; kiểm tra tại trụ sở NNT vào Hệ thống hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR).”

Quyết định số 528/QĐ-TCT chưa quy định cụ thể việc nhập dữ liệu về công tác kiểm tra vào hệ thống hỗ trợ thanh tra, kiểm tra phục vụ cho báo cáo điện tử.

17. Bổ sung quy định báo cáo kết quả kiểm tra bằng phương thức điện tử đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác kiểm tra thuế qua ứng dụng TTR

“Báo cáo bằng văn bản phải đồng nhất với báo cáo được in ra từ ứng dụng hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR). Cơ quan thuế các cấp thực hiện chốt số liệu báo cáo tháng theo thời gian báo cáo theo quy định tại điểm 2.3 Mục III, Phần B ban hành kèm theo Quy trình này để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành công tác kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra.”

18. Bổ sung quy định lưu trữ hồ sơ kiểm tra: Quy định lưu trữ hồ sơ kiểm tra thuế cho bộ phận, người được giao nhiệm vụ nhằm đảm bảo lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định của văn thư, lưu trữ.

19. Về hệ thống biểu mẫu kèm theo quy trình: Bổ sung đầy đủ các hệ thống biểu mẫu phục vụ cho công tác kiểm tra. Theo đó phục vụ cho việc mẫu hoá trên ứng dụng để thuận tiện cho việc thực hiện quy trình kiểm tra thuế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Cục thuế kịp thời tổng hợp, phản ánh về Tổng cục Thuế để được nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Lưu: VT, TTr (3).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Đã ký

Phi Vân Tuấn